TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2017/DS-ST
Ngày: 12 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em;

2. Ông Nguyễn Hòa Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Võ Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 09 năm 2017 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2017/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2017/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 1148 đường A, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn:

- Ông Trần Công T, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1144/2 Khu phố 4, đường P, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 và trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 31/06/2013 bà có cho ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vay số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) với lãi suất 3%/ tháng, không thời hạn, không thế chấp, nếu bà có nhu cầu lấy lại số tiền cho vay thì báo trước hai

tháng ông T, bà N sẽ trả hết nợ, việc cho vay có làm giấy mượn tiền (không ghi ngày tháng).

Trong quá trình vay ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N không trả lãi và chỉ trả được 900.000đ tiền gốc.

Ngày 16/08/2016, bà đã thông báo yêu cầu vợ chồng ông T, bà N về việc yêu cầu trả lại số tiền gốc trên trong thời hạn 30 ngày.

Bà yêu cầu ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N phải trả cho bà số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, bà Y trình bày:

Giấy mượn tiền (không ghi ngày tháng) thể hiện: Phần đầu có nội dung ông T và bà N vay bà số tiền 35.000.000đ và được ông T và bà N ký tên vào; phần sau có nội dung bà N vay số tiền 5.000.000đ vì khi bà đang giao tiền cho ông T bà N thì cả hai yêu cầu mượn thêm 5.000.000 để làm tròn thành 40.000.000đ Nhưng việc mượn 5.000.000đ chỉ có bà N ký tên.

Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N trả lại số tiền gốc là 35.000.000đ trừ đi số tiền nợ gốc đã trả là 900.000đ (trả sau khi bà nộp đơn khởi kiện), còn lại là 34.100.000đ, trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra bà không có yêu cầu đối với ai khác và không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Toà án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật cho bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N nhưng bị đơn không đến, không có văn bản trình bày ý kiến, Tòa không tiến hành hoà giải được.

Ý kiến của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ buộc bị đơn trả số tiền là 34.100.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu này của nguyên đơn. Theo giấy mượn tiền (không ghi ngày tháng) thì nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 35.000.000đ, nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 900.000đ nợ gốc, bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y buộc ông Trần Công T và bà Nguyễn

Thị Trúc N phải trả toàn bộ số tiền nợ là 34.100.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N hiện cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vắng mặt tại phiên tòa và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nhưng ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà N theo điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về điều kiện khởi kiện:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y có cho ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vay số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), không kỳ hạn. Ngày 16/08/2016, bà Y đã thông báo yêu cầu ông T bà N trả số tiền trên trong hạn 30 ngày. Thông báo được gửi theo đường bưu điện. Việc thông báo đòi số tiền cho vay của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Ngày 26/12/2016 nguyên đơn làm đơn khởi kiện là đúng quy định của pháp luật, việc khởi kiện của nguyên đơn đủ điều kiện khởi kiện.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/12/2016 bà Nguyễn Thị Y yêu cầu ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N phải trả số tiền 40.000.000đ. Tại phiên tòa bà Y xác nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền 35.000.000đ nhưng được trừ đi số tiền nợ gốc đã trả là 900.000đ nên ông T và bà N chỉ còn phải trả số tiền là 34.100.000đ, yêu cầu trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử giải quyết theo yêu cầu thay đổi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Theo kết quả trả lời của Công an phường Tân Phú, Quận 7 tại Phiếu yêu cầu xác minh của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: "đ/s Trần Công T, sn 1963 và đs Nguyễn Thị Trúc N, sn 1973 hiện đang cư trú tại địa chỉ 1144/2 HTP, KP 4, p.Tân Phú, Quận 7".

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N, gồm: Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên căn cứ vào Khoản 4 Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N đã tự tước bỏ quyền được chứng minh, trình bày ý kiến của mình và chịu hậu quả của việc vắng mặt nên Hội đồng xét xử lấy yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn bà Y để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn bà Y và giấy mượn tiền được ký giữa nguyên đơn bà Y và bị đơn ông T bà N thì đã có đủ cơ sở xác định bà Yến có cho vợ chồng ông T, bà N vay số tiền 35.000.000 *(*Ba mươi lăm triệu) đồng, bà Y đã có thông báo yêu cầu ông T bà N trả số tiền vay trong hạn 30 ngày, quá trình vay ông T và bà N đã trả được 900.000đ tiền nợ gốc, số nợ còn lại 34.100.000đ.

Nay bà Nguyễn Thị Y yêu cầu ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N phải trả lại số tiền 34.100.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong trường hợp ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét về thời gian trả nợ: nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N có nghĩa vụ trả nợ vay làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, yêu cầu này là phù hợp với pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y, nên bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

[5] Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Công T, bà Nguyễn Thị Trúc N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 471, 474, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014.

Tuyên xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2.1 Buộc bị đơn ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Thị Y số tiền là 34.100.000 đồng (Ba mươi bốn triệu một trăm ngàn đồng) làm một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật

Trong trường hợp ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N chậm thi hành nghĩa vụ trả nợ trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.705.000đồng (Một triệu bảy trăm lẻ năm ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị Y không phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07441 ngày 17/01/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng ông Trần Công T và bà Nguyễn Thị Trúc N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày toà niêm yết bản án tại địa phương.

Trường hợp nghĩa vụ trả tiền trên được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- VKSND Q.7;
- C/cTHADS Q.7;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Mai Trần Cảnh